

**Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch
Ninh Vân Bay**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



EY

Building a better
working world

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 52

18
M
'&
:T
N
A
E
K

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (“Công ty”), được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Phong, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 ngày 7 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Kinh doanh bất động sản;
- ▶ Dịch vụ quản lý, tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất), xúc tiến đầu tư thương mại;
- ▶ Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, tòa nhà Hoàng Gia, số 180 Triệu Việt Vương, phường Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Xuân Hải	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Thu Hà	Phó Chủ tịch	
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên	
Ông Hồ Anh Ngọc	Thành viên	
Ông Richard Vicent Daguisse	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Minh	Thành viên	
Ông John Joshep Ramos	Thành viên	
Ông Yoshep Anastasius Didik Cahyanto	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Bà Ngô Thị Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Ngọc Tú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đức Long	Trưởng Ban	
Ông Nguyễn Xuân Thường	Thành viên	
Ông Raditya Putra	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Bernardi Djumiril	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Anh Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Hoàng Anh Dũng. Ông Vũ Ngọc Tú được ông Hoàng Anh Dũng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Giấy ủy quyền số 01/2016/GUQ-NVB ngày 19 tháng 4 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ernst & Young Việt Nam

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 60861236/19317188-HN/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 30 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có khoản trái phiếu phát hành với số dư nợ gốc là 230 tỷ VND sẽ đến hạn thanh toán trong tháng 11 năm 2017 và Tập đoàn vẫn chưa chi trả lãi trái phiếu kỳ thứ 5 với số tiền là 13,6 tỷ VND. Bên cạnh đó, Tập đoàn đã phát sinh lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 295,5 tỷ VND và tại ngày này, lỗ lũy kế của Tập đoàn là 505,1 tỷ VND. Cũng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tổng số dư nợ ngắn hạn của Tập đoàn là 409,2 tỷ VND đã vượt tổng số dư tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao của Tập đoàn với số tiền là 306 tỷ VND. Các thông tin này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Công Khanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3483-2015-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND


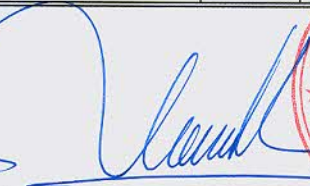


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		141.807.982.250	367.963.870.186
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	23.571.541.476	5.573.253.577
111	1. Tiền		16.071.541.476	4.773.253.577
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.500.000.000	800.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		115.000.000	218.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	115.000.000	218.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		100.599.250.589	346.191.362.032
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	2.535.791.322	3.384.586.605
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	7.234.844.739	5.100.276.104
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	229.961.920.548	230.079.920.548
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	109.294.811.717	107.626.578.775
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn	7,8	(248.428.117.737)	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	10.904.550.626	10.383.571.327
141	1. Hàng tồn kho		10.904.550.626	10.383.571.327
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.617.639.559	5.597.683.250
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	3.151.758.125	2.158.516.548
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.465.881.434	3.439.166.702
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		893.592.881.323	951.237.427.685
220	I. Tài sản cố định		355.572.002.555	366.618.985.856
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	111.196.003.378	118.185.364.011
222	Nguyên giá		214.589.836.931	214.898.175.670
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(103.393.833.553)	(96.712.811.659)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	244.375.999.177	248.433.621.845
228	Nguyên giá		305.427.091.263	305.427.091.263
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(61.051.092.086)	(56.993.469.418)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		426.484.759.893	426.374.443.675
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	14.1	62.089.102.649	62.089.102.649
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14.2	364.395.657.244	364.285.341.026
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	5.2	70.525.540.097	110.782.992.256
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		62.895.862.069	96.634.112.292
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.254.139.320	23.883.889.320
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.624.461.292)	(9.735.009.356)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		41.010.578.778	47.461.005.898
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	8.402.462.915	8.106.383.306
269	2. Lợi thế thương mại	15	32.608.115.863	39.354.622.592
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.035.400.863.573	1.319.201.297.871



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		462.098.899.405	451.791.982.529
310	I. Nợ ngắn hạn		409.244.821.433	396.598.396.080
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	7.195.375.956	10.275.292.624
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		8.955.672.803	14.273.261.861
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.707.228.198	2.146.849.081
314	4. Phải trả người lao động		2.315.179.362	1.240.222.588
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	53.635.794.761	33.797.517.510
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	29.283.771.194	29.650.035.154
320	7. Vay và nợ ngắn hạn	20	301.349.730.954	303.007.693.916
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	1.802.068.205	2.207.523.346
330	II. Nợ dài hạn		52.854.077.972	55.193.586.449
338	1. Vay và nợ dài hạn	20	-	2.050.000.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.3	52.854.077.972	53.143.586.449
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		573.301.964.168	867.409.315.342
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	573.301.964.168	867.409.315.342
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		905.000.000.000	905.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		905.000.000.000	905.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.455.000.000	24.455.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		269.596.844	269.596.844
421	4. Lỗ lũy kế		(505.088.649.829)	(209.572.070.465)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(209.572.070.465)	(211.984.108.541)
421b	- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(295.516.579.364)	2.412.038.076
429	5. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát		148.666.017.153	147.256.788.963
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.035.400.863.573	1.319.201.297.871

Ngô Thị Thanh Hải Ngô Thị Thanh Hải Vũ Ngọc Tú
 Người lập Kế toán trưởng Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	124.779.600.557	98.333.333.678
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(43.426.575)	(31.946.871)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	124.736.173.982	98.301.386.807
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(55.079.123.800)	(48.831.532.490)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.657.050.182	49.469.854.317
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	725.321.113	9.823.128.016
22	7. Chi phí tài chính	26	(53.545.703.954)	(19.815.494.674)
23	-Trong đó: Chi phí lãi vay		(15.092.441.012)	(17.418.650.063)
24	8. Phần lỗ từ công ty liên kết	5.2.1	(67.546.604)	(100.916.521)
25	9. Chi phí bán hàng	27	(14.944.532.028)	(11.713.280.739)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(278.990.112.381)	(30.762.732.857)
30	11. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(277.165.523.672)	(3.099.442.458)
31	12. Thu nhập khác	28	408.585.791	20.422.859.549
32	13. Chi phí khác	28	(2.311.681.514)	(4.895.011.162)
40	14. (Lỗ)/lợi nhuận khác	28	(1.903.095.723)	15.527.848.387
50	15. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(279.068.619.395)	12.428.405.929
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(3.078.240.256)	(1.861.349.502)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.1	289.508.477	772.022.606
60	18. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		(281.857.351.174)	11.339.079.033
61	19. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	22.1	(295.516.579.364)	1.692.138.035
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22.1	13.659.228.190	9.646.940.998
70	21. (Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	32	(3.262)	19
71	22. (Lỗ)/lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	32	(2.951)	17

Ngô Thị Thanh Hải
Người lập

Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		(279.068.619.395)	12.428.405.929
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		18.886.730.198	17.647.966.661
03	Các khoản dự phòng	5.2.3, 7, 8	258.317.569.673	1.971.762.045
05	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.175.023	-
06	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		26.996.920.455	(9.639.290.553)
07	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	26	15.454.478.050	17.780.687.101
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		40.588.254.004	40.189.531.183
09	Tăng các khoản phải thu		(2.187.361.466)	(22.999.432)
10	Tăng hàng tồn kho		(520.979.299)	(640.504.771)
11	Giảm các khoản phải trả		(2.079.166.156)	(7.762.047.323)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(1.289.321.186)	1.481.109.561
14	Tiền lãi vay đã trả		(383.994.350)	(14.758.444.955)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(476.656.590)	(1.196.864.921)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(926.475.861)	(710.935.616)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		32.724.299.096	16.578.843.726
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.276.315.170)	(12.850.169.202)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		434.598.441	-
23	Tiền chi cho vay		(382.000.000)	(970.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		603.000.000	788.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.370.250.000)	-
26	Tiền thu lại từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.412.386.111	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		173.744.444	109.309.624
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng) hoạt động đầu tư		1.595.163.826	(12.922.859.578)

18/06/2017
 TS/TH/H/KH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		21.390.000.000	15.700.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(25.460.000.000)	(9.106.766.619)
37	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(12.250.000.000)	(5.880.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(16.320.000.000)	713.233.381
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		17.999.462.922	4.369.217.529
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5.573.253.577	11.368.089.068
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.175.023)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	23.571.541.476	15.737.306.597



Ngô Thị Thanh Hải
 Người lập

Ngô Thị Thanh Hải
 Kế toán trưởng

Vũ Ngọc Tú
 Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (“Công ty”), được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Phong, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 ngày 7 tháng 10 năm 2016.

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay với mã cổ phiếu NVT theo công văn số 85/QĐ-SGDHCM. Vào ngày 7 tháng 5 năm 2010, 50.500.000 cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2017, số cổ phiếu được lưu hành của Công ty là 90.500.000 cổ phiếu (Thuyết minh số 22.4).

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Kinh doanh bất động sản;
- ▶ Dịch vụ quản lý, tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất), xúc tiến đầu tư thương mại;
- ▶ Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, tòa nhà Hoàng Gia, số 180 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 388 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 392 người).

30
G
H
N
H
V
V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tập đoàn có 2 công ty con, bao gồm:

▶ ***Công ty TNHH Hai Dung***

Công ty TNHH Hai Dung là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600805594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 10 tháng 4 năm 2006, với số vốn điều lệ là 110 tỷ VND. Công ty TNHH Hai Dung có trụ sở đặt tại ấp Bến Cộ, xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và văn phòng giao dịch đặt tại số 121/10 Hồng Hà, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Công ty TNHH Hai Dung là kinh doanh bất động sản, đầu tư khu du lịch sinh thái và kinh doanh nhà nghỉ, nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nắm 90% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 90%).

Ngày 26 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ thông qua chủ trương chuyển nhượng dự án Điểm du lịch sinh thái Six Sense Sài Gòn River – một dự án đầu tư bởi Công ty TNHH Hai Dung để huy động nguồn tài chính thanh toán các khoản nợ đến hạn. Ngày 16 tháng 6 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT quyết định chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Hai Dung.

▶ ***Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải***

Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200686538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 13 tháng 12 năm 2008, với số vốn điều lệ là 90 tỷ VND. Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải có trụ sở đặt tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải là kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lữ hành.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nắm 51% (tương đương 4.590.000 cổ phiếu) vốn cổ phần trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 51%).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Cơ sở hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có khoản trái phiếu phát hành với số dư nợ gốc là 230 tỷ VND sẽ đến hạn thanh toán trong tháng 11 năm 2017 và Tập đoàn vẫn chưa chi trả lãi trái phiếu kỳ thứ 5 với số tiền là 13,6 tỷ VND. Bên cạnh đó, Tập đoàn đã phát sinh lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 295,5 tỷ VND và tại ngày này, lỗ lũy kế của Tập đoàn là 505,1 tỷ VND. Cũng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tổng số dư nợ ngắn hạn của Tập đoàn là 409,2 tỷ VND đã vượt tổng số dư tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao của Tập đoàn với số tiền là 306 tỷ VND. Các thông tin này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Tập đoàn. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Tập đoàn phụ thuộc vào việc thu được nguồn tài chính để phục vụ cho việc trả nợ.

Dựa trên kế hoạch kinh doanh của Công ty và các công ty con, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đang trong quá trình thương lượng với các đối tác để thanh lý một số tài sản của Công ty nhằm thu xếp nguồn tài chính phục vụ việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

2-0
 TỶ
 I
 OI
 LM
 NH
 I
 T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng VND (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND (“VND”).

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

27-1
 IN
 MIS. CA
 H.P.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (bao gồm nguyên giá của đất và cơ sở hạ tầng chưa chuyển nhượng)	-	chi phí đất và xây dựng phần hoàn thiện của các biệt thự được ghi nhận theo tiến độ thực tế bàn giao với nhà thầu thi công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 18 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất và mặt biển	33 - 43 năm
Phần mềm máy tính	3 - 7 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

18
Đ
T
&
T
N
A
I
V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình trên đất

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình trên đất được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu công trình trên đất và quyền sử dụng đất đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm bàn giao đất và công trình trên đất.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần, kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn và cổ phần được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của cổ phần. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được thực hiện.

02
37
HH
Y
N
HÁ
VỘ
11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn/Nhóm Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các giai đoạn trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	209.934.399	278.571.900
Tiền gửi ngân hàng	15.861.607.077	4.324.352.136
Các khoản tương đương tiền (*)	7.500.000.000	800.000.000
Tiền đang chuyển	-	170.329.541
TỔNG CỘNG	<u>23.571.541.476</u>	<u>5.573.253.577</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng bằng VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – chi nhánh Nha Trang và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Sở giao dịch và hưởng lãi suất 4,3% – 4,7%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	115.000.000	115.000.000	218.000.000	218.000.000
TỔNG CỘNG	<u>115.000.000</u>	<u>115.000.000</u>	<u>218.000.000</u>	<u>218.000.000</u>

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là khoản tiền gửi với số tiền là 115 triệu VND có kỳ hạn 1 năm với lãi suất 5,7%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - chi nhánh Nha Trang.

Theo Hợp đồng phát hành Trái phiếu kèm Chứng quyền số 01-2100/HDDM-TP/NVB ngày 11 tháng 11 năm 2014, Công ty cam kết duy trì số dư tài khoản tiền gửi dự phòng số 190.21793773.021 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai tối thiểu là 23 tỷ VND trong kỳ tính lãi Trái phiếu đầu tiên và số tiền lớn hơn 100% số tiền đến hạn phải thanh toán vào ngày thanh toán lãi và 14 tỷ VND đối với các kỳ tính lãi tiếp theo.

Theo thông báo số 580/201/TB-TCBS ngày 11 tháng 5 năm 2017 và thông báo số 3883/2017/WB-TCBS ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam về việc thanh toán liên quan đến trái phiếu do Công ty phát hành ngày 11 tháng 11 năm 2014 cho kỳ tính lãi từ ngày 11 tháng 11 năm 2016 đến ngày 11 tháng 11 năm 2017, Công ty bị phạt chậm dự phòng cho kỳ tính lãi nói trên với tổng số tiền phạt cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1,1 tỷ VND (Thuyết minh số 28).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	62.895.862.069	96.634.112.292
Đầu tư vào đơn vị khác	27.254.139.320	23.883.889.320
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(19.624.461.292)	(9.735.009.356)
TỔNG CỘNG	<u>70.525.540.097</u>	<u>110.782.992.256</u>

Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên do các cổ phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp				
(i)	-	40,21	-	40,21
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt (ii)	-	-	1.023.978	29,15

(i) Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp

Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000491891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 5 tháng 5 năm 2008, với số vốn điều lệ là 30 tỷ VND. Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp có trụ sở đặt tại Cồn Bắp, phường Cẩm Nam, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty này là kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

(ii) Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Danh Việt

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt cho một cá nhân với giá phí là 5.412.386.111 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt không còn là công ty liên kết của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp</i>	<i>Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Danh Việt</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá đầu tư:			
Số đầu kỳ	63.930.000.000	41.061.535.100	104.991.535.100
Chuyển nhượng khoản đầu tư	-	(41.061.535.100)	(41.061.535.100)
Số cuối kỳ	63.930.000.000	-	63.930.000.000
Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:			
Số đầu kỳ	(715.632.381)	(7.641.790.427)	(8.357.422.808)
Phần lỗ từ công ty liên kết	(17.709.985)	(49.836.619)	(67.546.604)
Lãi chưa thực hiện từ giao dịch với công ty liên kết trong kỳ	(300.795.565)	-	(300.795.565)
Chuyển nhượng khoản đầu tư	-	7.691.627.046	7.691.627.046
Số cuối kỳ	(1.034.137.931)	-	(1.034.137.931)
Giá trị đầu tư:			
Số đầu kỳ	63.214.367.619	33.419.744.673	96.634.112.292
Số cuối kỳ	62.895.862.069	-	62.895.862.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú (i)	183.600	12,24	18.360.000.000	(18.360.000.000)	183.600	12,24	18.360.000.000	(8.470.548.064)
Công ty Cổ phần Hồng Hải (ii)	1.036.958	10,37	6.894.139.320	-	699.933	10,37	3.523.889.320	-
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỹ nghệ Ninh Vân Bay (iii)		10,00	1.000.000.000	(1.000.000.000)		10,00	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần EMG (iv)	100.000	14,3	1.000.000.000	(264.461.292)	100.000	14,3	1.000.000.000	(264.461.292)
TỔNG CỘNG			27.254.139.320	(19.624.461.292)			23.883.889.320	(9.735.009.356)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư dài hạn (tiếp theo)

5.2.2 Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)

- (i) Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025527 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 6 năm 2008, với số vốn điều lệ là 150 tỷ VND. Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú có trụ sở đặt tại Đàm Vân Long, xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú là kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng và dịch vụ ăn uống.
- (ii) Công ty Cổ phần Hồng Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4200479404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, với số vốn điều lệ là 100 tỷ VND. Công ty Cổ phần Hồng Hải có trụ sở đặt tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang. Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khu du lịch sinh thái, làng du lịch và dịch vụ ăn uống.
- (iii) Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310273430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2010, với số vốn điều lệ là 10 tỷ VND. Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay có trụ sở đặt tại lầu 6, tòa nhà Khatoco 259 A Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay là phát hành và quản lý thẻ nghỉ dài hạn.
- (iv) Công ty Cổ phần EMG là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0311199892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2011, với số vốn điều lệ là 7 tỷ VND. Công ty Cổ phần EMG có trụ sở đặt tại lầu 6, tòa nhà Khatoco, số 259 A Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần EMG là dịch vụ quản lý khách sạn và khu nghỉ dưỡng, kinh doanh khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

5.2.3 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Dự phòng đầu kỳ	9.735.009.356	5.187.243.469
Trích lập dự phòng trong kỳ	9.889.451.936	1.971.762.045
Dự phòng cuối kỳ	19.624.461.292	7.159.005.514

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Airtours International	361.999.024	264.032.571
Công ty TNHH Tiêu điểm Châu Á	347.085.240	-
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Á Đông Vido Tour	331.373.704	108.140.804
Công ty TNHH MTV Du lịch Trâu Việt Nam	283.580.514	81.814.008
Gullivers Travel Associates	298.501.020	62.944.614
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	913.251.820	2.867.654.608
TỔNG CỘNG	2.535.791.322	3.384.586.605

6.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Viện Nghiên cứu Chế tạo – Đại học Nha Trang	3.230.400.000	-
Công ty Visconti Industries	549.250.000	549.250.000
Công ty TNHH Xây dựng Minh Hòa	465.330.840	465.330.840
Công ty TNHH Lâm sản Minh Khang	436.014.637	436.014.637
Công ty TNHH Xây dựng – Dịch vụ Việt Cường	433.168.280	433.168.280
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tư vấn Bách Việt	351.855.010	351.855.010
Công ty TNHH Một thành viên Hải Khánh	-	1.284.661.400
Các khoản trả trước khác	1.768.825.972	1.579.995.937
TỔNG CỘNG	7.234.844.739	5.100.276.104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	228.946.920.548	230.079.920.548
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên khác	1.015.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>229.961.920.548</u>	<u>230.079.920.548</u>
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn	(149.663.920.548)	-

Phải thu về cho vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm các khoản phải thu sau:

<i>Đối tượng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất(%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Cho vay ngắn hạn bên liên quan				
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú (*)	209.663.920.548	Từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 2 năm 2018	10%	Tín chấp
Công ty TNHH Sinh thái Cồn Bắp	19.053.000.000	Từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 6 năm 2018	8%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Hồng Hải	230.000.000	Ngày 21 tháng 6 năm 2018	8%	Tín chấp
Cho vay ngắn hạn đối tượng khác				
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	1.015.000.000	Tháng 4 năm 2018	8%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>229.961.920.548</u>			

(*) Ngày 16 tháng 6 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT quyết định chuyển nhượng toàn bộ các khoản cho vay và lãi cho vay của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng, số tiền có thể thu hồi từ việc chuyển nhượng toàn bộ các khoản cho vay và lãi cho vay phải thu từ Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú là 60 tỷ VND. Theo đó, trong kỳ, Công ty đã lập dự phòng cho các khoản phải thu cho vay từ công ty này với số tiền là 149,7 tỷ VND.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu kỳ	-	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	149.663.920.548	-
Số dư cuối kỳ	<u>149.663.920.548</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Lãi vay phải thu (*)	105.720.088.786	104.926.729.230
Chi phí chi trả hộ bên liên quan	2.952.330.350	2.468.734.720
Phải thu khác	622.392.581	231.114.825
TỔNG CỘNG	<u>109.294.811.717</u>	<u>107.626.578.775</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(98.764.197.189)	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.253.727.922</i>	<i>231.114.829</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>108.041.083.795</i>	<i>107.395.463.946</i>

(*) Lãi vay phải thu phát sinh từ các hợp đồng cho vay với Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú - đơn vị nhận vốn đầu tư, Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp - công ty liên kết, Công ty Cổ phần Hồng Hải - đơn vị nhận vốn đầu tư và Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt vay tín chấp theo các điều khoản được trình bày tại Thuyết minh số 7.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi trong kỳ như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu kỳ	-	-
Dự phòng trích lập trong kỳ (*)	98.764.197.189	-
Số dư cuối kỳ	<u>98.764.197.189</u>	<u>-</u>

(*) Trích lập dự phòng trong kỳ bao gồm:

- ▶ Như trình bày tại Thuyết minh số 7, ngày 16 tháng 6 năm 2017 Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT quyết định chuyển nhượng toàn bộ các khoản cho vay và lãi cho vay phải thu tại Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú với giá trị ước tính là 60 tỷ VND. Theo đó, Công ty đã trích lập thêm dự phòng trong kỳ cho toàn bộ các khoản phải thu lãi cho vay tại Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú với số tiền là 96,3 tỷ VND.
- ▶ Dự phòng số dư phải thu lâu ngày của Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay với số tiền là 2,46 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. NỢ XẤU

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay và phải thu khác khó có khả năng thu hồi của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	209.663.920.548	60.000.000.000	210.163.920.548	210.163.920.548
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	96.295.462.469	-	96.295.462.469	96.295.462.469
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỹ nghệ Ninh Vân Bay	2.468.734.720	-	2.468.734.720	2.468.734.720
TỔNG CỘNG	308.428.117.737	60.000.000.000	308.928.117.737	308.928.117.737

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	6.252.786.791	4.980.371.369
Công cụ, dụng cụ	4.651.763.835	5.403.199.958
TỔNG CỘNG	10.904.550.626	10.383.571.327

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.202.279.282	1.115.558.296
Chi phí sửa chữa tài sản	1.797.045.261	763.073.971
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	152.433.582	279.884.281
TỔNG CỘNG	3.151.758.125	2.158.516.548
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.847.170.952	3.536.625.072
Chi phí sửa chữa cơ sở hạ tầng	3.496.621.768	4.437.763.263
Tiền thuê đất trả trước	759.468.800	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	299.201.395	131.994.971
TỔNG CỘNG	8.402.462.915	8.106.383.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	138.518.667.470	48.710.472.722	20.679.637.000	6.989.398.478	214.898.175.670
- Mua trong kỳ	-	409.427.135	756.571.817	-	1.165.998.952
- Thanh lý, nhượng bán	-	(78.271.450)	(1.357.879.231)	(38.187.010)	(1.474.337.691)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	138.518.667.470	49.041.628.407	20.078.329.586	6.951.211.468	214.589.836.931
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>1.921.436.171</i>	<i>10.122.325.421</i>	<i>8.039.740.379</i>	<i>991.080.238</i>	<i>21.074.582.209</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	56.818.751.731	23.998.454.294	11.800.492.108	4.095.113.526	96.712.811.659
- Khấu hao trong kỳ	4.438.723.392	2.299.980.701	982.111.090	361.785.618	8.082.600.801
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.512.666)	(1.357.879.231)	(38.187.010)	(1.401.578.907)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	61.257.475.123	26.292.922.329	11.424.723.967	4.418.712.134	103.393.833.553
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	81.699.915.739	24.712.018.428	8.879.144.892	2.894.284.952	118.185.364.011
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	77.261.192.347	22.748.706.078	8.653.605.619	2.532.499.334	111.196.003.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất và mặt biển</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	301.589.683.022	3.741.716.654	95.691.587	305.427.091.263
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	301.589.683.022	3.741.716.654	95.691.587	305.427.091.263
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	54.722.306.960	2.175.470.871	95.691.587	56.993.469.418
Khấu hao trong kỳ	3.861.841.942	195.780.726	-	4.057.622.668
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	58.584.148.902	2.371.251.597	95.691.587	61.051.092.086
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	246.867.376.062	1.566.245.783	-	248.433.621.845
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	243.005.534.120	1.370.465.057	-	244.375.999.177

Quyền sử dụng đất và mặt biển bao gồm diện tích 49,98 ha đất và 94,5 ha mặt biển tại đảo Ninh Vân, huyện Ninh Vân, tỉnh Khánh Hòa được sử dụng cho việc kinh doanh khu nghỉ Six Senses Ninh Vân Bay. Toàn bộ khu đất và mặt biển là một quần thể không tách rời, cùng được sử dụng cho hoạt động của khu nghỉ, cụ thể như sau:

- ▶ Theo hợp đồng thuê đất và mặt biển số 01/2003 HĐ/TĐ ngày 21 tháng 1 năm 2003, diện tích đất thuê là 333.180 m² và diện tích mặt biển thuê là 158.686 m². Đối với tiền thuê mặt biển, Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải đã thanh toán theo hình thức trả tiền một lần. Đối với tiền thuê đất, theo Quyết định số 88 CT/QĐ của Cục thuế Khánh Hòa, trong tổng số đất thuê 333.180 m², diện tích tính tiền thuê đất là 82.914 m², Công ty được miễn tiền thuê đất trong vòng 11 năm (miễn đến ngày 5 tháng 12 năm 2013). Các năm sau, tiền thuê đất được trả hàng năm. Theo thông báo số 387/TB/ĐGTĐ ngày 24 tháng 1 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa, Công ty đã trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê đất còn lại của diện tích đất thuê 82.914 m²; và
- ▶ Theo hợp đồng thuê đất và mặt biển số 24/2004 HĐ/TĐ ngày 28 tháng 4 năm 2004, diện tích đất thuê là 164.889 m² và diện tích mặt biển thuê là 786.829 m². Đối với tiền thuê mặt biển, Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải đã thanh toán theo hình thức trả tiền một lần. Đối với tiền thuê đất, theo Quyết định số 08/QĐ-CCT của Cục thuế Khánh Hòa, diện tích tính tiền thuê đất là 164.889 m² chỉ được miễn tiền thuê đất đến ngày 16 tháng 3 năm 2015. Các năm sau, tiền thuê đất được trả hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

14.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	62.089.102.649	62.089.102.649
TỔNG CỘNG	62.089.102.649	62.089.102.649

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm chi phí xây dựng và lắp đặt phần hoàn thiện của các công trình trên đất của khu biệt thự để bán trong Điểm du lịch sinh thái Six Senses Sài Gòn River của Công ty TNHH Hai Dung.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được sử dụng để thế chấp cho những người sở hữu trái phiếu (đại diện bởi Tổ chức nhận tài sản đảm bảo là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam) để đảm bảo cho tất cả các nghĩa vụ của Công ty đối với và liên quan đến Trái phiếu được qui định trong Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu kèm Chứng quyền số 01-2100/HDDM-TP/NVT ngày 11 tháng 11 năm 2014 (xem Thuyết minh số 20.1.1).

14.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Sài Gòn River (*)	362.861.092.571	362.437.560.660
Chi phí thiết kế Dự án Six Senses Ninh Vân Bay - giai đoạn 2	1.036.935.000	1.036.935.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	497.629.673	810.845.366
TỔNG CỘNG	364.395.657.244	364.285.341.026

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Điểm du lịch sinh thái Six Senses Sài Gòn River bao gồm các chi phí phát triển đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng các công trình trên đất của khu biệt thự thuộc dự án này. Theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 47121000196 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26 tháng 3 năm 2009, Công ty TNHH Hai Dung được cấp phép đầu tư vào Dự án Xây dựng điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Sài Gòn River với tiêu chuẩn 5 sao, nằm trên diện tích đất 55,32 hecta của xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, với tổng vốn đầu tư của dự án là 440,47 tỷ VND và thời gian hoạt động là 50 năm kể từ tháng 3 năm 2009.

Chi phí xây dựng dở dang của Điểm du lịch sinh thái Six Senses Sài Gòn River được sử dụng để thế chấp cho những người sở hữu trái phiếu (đại diện bởi Tổ chức nhận tài sản đảm bảo là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam) để đảm bảo cho tất cả các nghĩa vụ của Công ty đối với và liên quan đến Trái phiếu được quy định trong Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu kèm Chứng quyền số 01-2100/HDDM-TP/NVT ngày 11 tháng 11 năm 2014 (xem Thuyết minh số 20.1.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Hai Dung	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	134.930.134.599	89.691.208.885	224.621.343.484
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	134.930.134.599	89.691.208.885	224.621.343.484
Phân bổ lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	95.575.512.007	89.691.208.885	185.266.720.892
- Phân bổ trong kỳ	6.746.506.729	-	6.746.506.729
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	102.322.018.736	89.691.208.885	192.013.227.621
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	39.354.622.592	-	39.354.622.592
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	32.608.115.863	-	32.608.115.863

16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả đối tượng khác	3.652.336.494	3.652.336.494	7.536.605.640	7.536.605.640
Phải trả ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	3.543.039.462	3.543.039.462	2.738.686.984	2.738.686.984
TỔNG CỘNG	7.195.375.956	7.195.375.956	10.275.292.624	10.275.292.624

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế giá trị gia tăng	1.649.649.801	9.459.412.673	(10.055.512.813)	1.053.549.661
Thuế thu nhập doanh nghiệp	253.707.622	3.078.240.256	(476.656.590)	2.855.291.288
Thuế thu nhập cá nhân	208.292.321	1.042.089.784	(1.040.357.454)	210.024.651
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác	35.199.337	1.964.710.264	(1.411.547.003)	588.362.598
TỔNG CỘNG	2.146.849.081	15.544.452.977	(12.984.073.860)	4.707.228.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Lãi vay phải trả	43.561.623.473	28.853.176.811
Chi phí xây dựng phải trả cho nhà thầu	778.076.755	778.076.755
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	3.769.654.315	2.458.247.751
Chi phí phạt chậm trả lãi và chậm dự phòng tài khoản trả lãi trái phiếu	1.415.891.716	-
Chi phí thuê văn phòng và mặt bằng	1.821.774.143	964.662.216
Chi phí phải trả khác	2.288.774.359	743.353.977
TỔNG CỘNG	53.635.794.761	33.797.517.510
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả khác</i>	27.158.308.280	8.438.858.009
<i>Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	26.477.486.481	25.358.659.501

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải trả theo các biên bản thanh lý Hợp đồng mua bán biệt thự	24.000.000.000	24.000.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Việt Cường	6.000.000.000	6.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản Vietsense	4.000.000.000	4.000.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng	3.000.000.000	3.000.000.000
- Các khách hàng cá nhân	11.000.000.000	11.000.000.000
Phí phục vụ phải trả cho nhân viên	1.719.795.642	2.512.069.137
Bảo hiểm xã hội	386.909.948	385.380.536
Quỹ từ thiện	2.201.879.600	2.017.472.376
Các khoản phải trả khác	975.186.004	735.113.105
TỔNG CỘNG	29.283.771.194	29.650.035.154
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các khoản phải trả khác</i>	26.283.771.194	26.650.035.154
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	3.000.000.000	3.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY

Đơn vị tính: VND

		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Thay đổi trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	20.1.1	229.275.925.929	229.275.925.929	362.037.038	-	229.637.962.967	229.637.962.967
Vay đối tượng khác	20.1.2	18.900.000.000	18.900.000.000	21.210.000.000	(22.360.000.000)	17.750.000.000	17.750.000.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	20.1.3	54.231.767.987	54.231.767.987	180.000.000	(450.000.000)	53.961.767.987	53.961.767.987
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	20.2	600.000.000	600.000.000	-	(600.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG		303.007.693.916	303.007.693.916	21.752.037.038	(23.410.000.000)	301.349.730.954	301.349.730.954
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng		2.050.000.000	2.050.000.000	-	(2.050.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG		2.050.000.000	2.050.000.000	-	(2.050.000.000)	-	-
		305.057.693.916	305.057.693.916	21.752.037.038	(25.460.000.000)	301.349.730.954	301.349.730.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn

20.1.1 Trái phiếu phát hành đến hạn trả

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Trái phiếu phát hành – nợ gốc (*)	230.000.000.000	230.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu (**)	<u>(362.037.033)</u>	<u>(724.074.071)</u>
TỔNG CỘNG	<u>229.637.962.967</u>	<u>229.275.925.929</u>

(*) Chi tiết khoản trái phiếu phát hành được trình bày như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trái phiếu và kỳ hạn trả lãi</i>	<i>Lãi suất(%/năm)</i>
Nhà đầu tư			
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	230.000.000.000	3 năm kể từ ngày phát hành, đáo hạn ngày 11 tháng 11 năm 2017, lãi trả theo kỳ 6 tháng	12%/năm trong 2 kỳ tính lãi đầu tiên; Các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,5% cộng với lãi suất cơ sở của Khối ngân hàng bán buôn thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam áp dụng cho kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng với kỳ hạn gốc từ 1 đến 5 năm. Lãi suất áp dụng cho kỳ hiện tại là 11,96%/năm.
TỔNG CỘNG	<u>230.000.000.000</u>		

Theo Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu kèm Chứng quyền số 01-2100/HDDM-TP/NVT, ngày 11 tháng 11 năm 2014, Công ty đã phát hành thành công 23.000 trái phiếu kèm chứng quyền cho bên đặt mua trái phiếu là Công ty TNHH Nam Thành với tổng mệnh giá là 230 tỷ VND (sau đó, Công ty TNHH Nam Thành đã chuyển nhượng lại toàn bộ 23.000 trái phiếu này cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam).

Số lượng chứng quyền được phát hành kèm theo trái phiếu là 23.000 chứng quyền. Chứng quyền cho phép tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trái phiếu được phép mua cổ phần phổ thông của Công ty thông qua việc thực hiện chứng quyền trong thời hạn 3 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu.

Trong thời hạn 1 năm kể từ ngày phát hành (ngày 11 tháng 11 năm 2014), chứng quyền không được chuyển nhượng trừ trường hợp chuyển nhượng cho hoặc chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Với mỗi chứng quyền, tổ chức hoặc cá nhân sở hữu chứng quyền có quyền mua 415 cổ phần theo giá mua được xác định theo các điều khoản của Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu kèm Chứng quyền. Số lượng cổ phần tối đa phát hành theo chứng quyền là 9.545.000 cổ phần.

Giá mua mỗi cổ phần theo quyền mua cổ phần là 7.500 VND và giá cổ phần theo chứng quyền bị điều chỉnh nếu xảy ra một trong số các điều kiện điều chỉnh như sau:

- ▶ Tách hoặc gộp cổ phần;
- ▶ Phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu để trả cổ tức;
- ▶ Chia cổ tức không phải bằng cổ phần; và
- ▶ Phát hành cổ phần với giá thấp hơn giá thị trường.

Việc điều chỉnh giá cổ phần chỉ được thực hiện nếu không trái với các qui định pháp luật có liên quan và được thực hiện trong phạm vi bảo đảm thặng dư vốn cổ phần (và các nguồn vốn hợp pháp khác) của Công ty đủ để bù đắp phần vốn điều lệ còn thiếu tính theo giá cổ phần theo chứng quyền đã điều chỉnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn (tiếp theo)

20.1.1 Trái phiếu phát hành đến hạn trả (tiếp theo)

Người sở hữu chứng quyền có thể thực hiện chứng quyền của mình tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn hiệu lực với điều kiện số lượng chứng quyền của những người sở hữu chứng quyền gộp thực hiện trong một lần tối thiểu bằng 1/4 (một phần tư) tổng số chứng quyền được phát hành. Khi số lượng chứng quyền còn lại dưới 1/4 (một phần tư) tổng số chứng quyền đã phát hành thì chứng quyền có thể thực hiện vào bất cứ thời điểm nào.

Công ty cam kết duy trì thặng dư vốn cổ phần ở mức tối thiểu là 24.455.000.000 VND và chỉ sử dụng thặng dư vốn để bù đắp cho phần vốn điều lệ của Công ty bị thiếu hụt tính theo giá cổ phần theo chứng quyền.

Trái phiếu được đảm bảo bằng các tài sản sau:

<i>Số hợp đồng bảo đảm</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
05/102014/HĐTC/TCB-HD và 07/102014/HĐTC/TCB-HD	Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất của Công ty TNHH Hai Dung đối với lô đất tại xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
09/102014/HĐTC/TCB-HD	Quyền đòi nợ, các khoản phải thu, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác của quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất, toàn bộ các trang thiết bị và động sản khác thuộc dự án Sixsense Sài Gòn.
11/102014/HĐTC/TCB-NVT	Phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Hai Dung.
14/102014/HĐTC/TCB-HAD	Phần vốn góp của ông Hoàng Anh Dũng tại Công ty TNHH Hai Dung.
17/102014/HĐTC/TCB-LXH	Phần vốn góp của ông Lê Xuân Hải tại Công ty TNHH Hai Dung.
20/102014/HĐTC/TCB-NVT	4.590.000 cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải.

(**) Giá trị trái phiếu phát hành tăng trong kỳ là chi phí phát hành trái phiếu phân bổ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn (tiếp theo)

20.1.2 Vay đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay đối tượng khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Bà Bùi Lê Mai	4.000.000.000	Đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2017. Lãi trả khi đáo hạn.	10%	Tín chấp
Bà Bùi Hồng Nhung	13.700.000.000	Đáo hạn từ ngày 9 tháng 11 năm 2017 đến ngày 30 tháng 12 năm 2017. Lãi trả khi đáo hạn.	11-12%	Tín chấp
Bà Trần Thị Hạnh Nhiên	50.000.000	Đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2017.	0%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	17.750.000.000			

20.1.3 Vay các bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên liên quan	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ông Lê Xuân Hải	18.145.844.722	Từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2017.	0%	Tín chấp
Bà Vũ Hồng Dung	32.117.470.426	Ngày 20 tháng 9 năm 2017.	0%	Tín chấp
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	3.518.452.839	Từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 6 năm 2018.	15%-16%	Tín chấp
Ông Hoàng Anh Dũng	180.000.000	Ngày 5 tháng 9 năm 2017.	0%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	53.961.767.987			

21. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số dư đầu kỳ	2.207.523.346	1.754.691.042
Trích lập trong kỳ	521.020.720	706.336.825
Trong đó:		
- Trích lập từ nguồn phí phục vụ phải trả người lao động	521.020.720	706.336.825
Sử dụng trong năm	(926.475.861)	(710.935.616)
Số dư cuối kỳ	1.802.068.205	1.750.092.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Phần vốn thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ					Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát	Tổng nguồn vốn
	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng		
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	905.000.000.000	24.455.000.000	269.596.844	(211.984.108.541)	717.740.488.303	141.432.951.454	859.173.439.757
- Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(5.880.000.000)	(5.880.000.000)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.692.138.035	1.692.138.035	9.646.940.998	11.339.079.033
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>905.000.000.000</u>	<u>24.455.000.000</u>	<u>269.596.844</u>	<u>(210.291.970.506)</u>	<u>719.432.626.338</u>	<u>145.199.892.452</u>	<u>864.632.518.790</u>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	905.000.000.000	24.455.000.000	269.596.844	(209.572.070.465)	720.152.526.379	147.256.788.963	867.409.315.342
- Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(12.250.000.000)	(12.250.000.000)
- (Lỗ)/lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(295.516.579.364)	(295.516.579.364)	13.659.228.190	(281.857.351.174)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>905.000.000.000</u>	<u>24.455.000.000</u>	<u>269.596.844</u>	<u>(505.088.649.829)</u>	<u>424.635.947.015</u>	<u>148.666.017.153</u>	<u>573.301.964.168</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của cổ đông	905.000.000.000	905.000.000.000	-	905.000.000.000	905.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	24.455.000.000	24.455.000.000	-	24.455.000.000	24.455.000.000	-
TỔNG CỘNG	929.455.000.000	929.455.000.000	-	929.455.000.000	929.455.000.000	-

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	905.000.000.000	905.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>905.000.000.000</u>	<u>905.000.000.000</u>

22.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
<i>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2016: 10.000 đồng/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.5 Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát

Đơn vị tính: VND

	Công ty TNHH Hai Dung	Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Tổng cộng
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017			
Vốn điều lệ đã góp	11.000.000.000	44.100.000.000	55.100.000.000
Chênh lệch đánh giá lại giá trị hợp lý tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh	2.125.059.476	95.911.886.702	98.036.946.178
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	196.000.000	196.000.000
Chia cổ tức lũy kế	-	(112.545.524.112)	(112.545.524.112)
(Lỗ)/lợi nhuận lũy kế	(21.201.863.802)	129.080.458.889	107.878.595.087
	(8.076.804.326)	156.742.821.479	148.666.017.153
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017			
Phần (lỗ)/lợi nhuận trong kỳ	(1.629.186.445)	15.288.414.635	13.659.228.190

23. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	287.845	89.672

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng doanh thu	124.779.600.557	98.333.333.678
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	29.863.712.109	21.932.192.257
Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.915.888.448	76.401.141.421
Các khoản giảm trừ doanh thu	(43.426.575)	(31.946.871)
Hàng bán trả lại	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(43.426.575)	(31.946.871)
Doanh thu thuần	124.736.173.982	98.301.386.807
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	29.863.712.109	21.932.192.257
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	94.872.461.873	76.369.194.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	666.308.434	9.740.207.075
Lãi chênh lệch tỷ giá	59.012.679	82.920.941
TỔNG CỘNG	725.321.113	9.823.128.016

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.443.554.823	5.911.014.607
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	47.635.568.977	42.920.517.883
TỔNG CỘNG	55.079.123.800	48.831.532.490

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí lãi vay	15.092.441.012	17.418.650.063
Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 5.2.1)	27.957.521.943	-
Dự phòng giảm giá tổn thất của các khoản đầu tư	9.889.451.936	1.971.762.045
Lỗ chênh lệch tỷ giá	239.982.728	56.544.465
Chi phí phát hành trái phiếu	362.037.038	362.037.038
Chi phí tài chính khác	4.269.297	6.501.063
TỔNG CỘNG	53.545.703.954	19.815.494.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí dịch vụ quản lý	8.338.136.492	6.197.751.538
Chi phí tiếp thị, quảng cáo	4.601.232.268	3.420.104.048
Chi phí nhân công	1.908.431.495	1.967.508.734
Chi phí khác	96.731.773	127.916.419
TỔNG CỘNG	14.944.532.028	11.713.280.739
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Dự phòng phải thu ngắn hạn	248.428.117.733	-
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	6.746.506.730	6.746.506.730
Chi phí nhân công	9.349.273.016	9.705.735.663
Chi phí khấu hao	8.810.580	20.078.756
Phí phục vụ chia cho nhân viên	5.937.951.205	4.675.578.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.201.567.216	9.349.692.838
Chi phí khác	317.885.901	265.140.037
TỔNG CỘNG	278.990.112.381	30.762.732.857
	293.934.644.409	42.476.013.596

28. THU NHẬP, CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập khác	408.585.791	20.422.859.549
Thuế TNDN được hoàn	-	20.182.876.638
Lãi từ thanh lý tài sản	361.839.657	239.100.000
Thu nhập khác	46.746.134	882.911
Chi phí khác	2.311.681.514	4.895.011.162
Chi phí phạt liên quan đến số dư tài khoản dự phòng (*)	1.080.704.750	774.011.757
Các khoản phạt khác	1.185.656.680	4.120.673.623
Chi phí khác	45.320.084	325.782
(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC	(1.903.095.723)	15.527.848.387

(*) Đây là khoản phạt do Công ty không duy trì đủ số dư tài khoản tiền gửi dự phòng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Lý Thái Tổ với số tiền tối thiểu là 14 tỷ VND cho kỳ tính lãi thứ 5 và thứ 6 theo cam kết phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền (Thuyết minh số 5.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên vật liệu	13.570.848.740	11.189.755.650
Chi phí nhân công	31.608.626.737	29.390.354.904
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	248.428.117.737	-
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định, phân bổ lợi thế thương mại	18.886.730.198	17.647.966.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.289.483.988	32.242.066.280
Chi phí khác	1.229.960.810	837.402.590
TỔNG CỘNG	349.013.768.210	91.307.546.085

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và Công ty TNHH Hai Dung là 20% lợi nhuận chịu thuế (cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 20%).

Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được áp dụng thuế suất 15% với mức giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Theo đó, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho công ty con này trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 7,5%.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.855.291.288	1.861.349.502
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu của các năm trước	222.948.968	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(289.508.477)	(772.022.606)
TỔNG CỘNG	2.788.731.779	1.089.326.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(279.068.619.395)	12.428.405.929
Thuế TNDN theo các thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20%	(55.813.723.879)	2.485.681.186
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận liên quan đến lỗ tính thuế trong năm	74.130.499.750	6.140.669.413
Lỗ thanh lý công ty liên kết không được khấu trừ	1.803.265.699	-
Phân bổ lợi thế thương mại	1.349.301.346	1.349.301.346
Các chi phí không được khấu trừ khác	544.899.759	437.042.466
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	222.948.968	-
Phạt chậm nộp thuế TNDN	-	824.134.725
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Dự phòng khoản phải thu công ty con	(11.624.876.006)	-
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế TNDN của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	(4.712.761.332)	(3.011.730.472)
Chi phí lãi vay được khấu trừ của công ty con	(3.110.822.526)	(3.099.196.440)
Thuế TNDN được hoàn	-	(4.036.575.328)
Chi phí thuế TNDN	2.788.731.779	1.089.326.896

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá trị hợp lý các tài sản của công ty con tại ngày mua	52.854.077.972	53.143.586.449	289.508.477	772.022.606
	52.854.077.972	53.143.586.449		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			289.508.477	772.022.606

30.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận phải chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty và các công ty con có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 780.499.938.836 VND (31 tháng 12 năm 2016: 409.847.440.087 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2017	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017
2012 (*)	2017	46.193.205.088	24.354.834.761	-	21.838.370.327
2013 (*)	2018	3.627.423.253	-	-	3.627.423.253
2014 (*)	2019	2.904.213.928	-	-	2.904.213.928
2015 (**)	2020	334.814.917.035	-	-	334.814.917.035
2016 (**)	2021	46.662.515.544	-	-	46.662.515.544
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (**)	2022	370.652.498.749	-	-	370.652.498.749
TỔNG CỘNG		804.854.773.597	24.354.834.761	-	780.499.938.836

(*) Bao gồm trong khoản lỗ tính thuế phát sinh từ năm 2012, 2013 và 2014 của Công ty và các công ty con là khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán với tổng số lỗ được phép chuyển sang các năm sau là 16.011.011.335 VND.

(**) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con còn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại nêu trên do không thể dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Lãi vay phải thu phát sinh	-	8.890.831.461
		Bên liên quan trả gốc nợ vay	500.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp	Công ty liên kết	Cho bên liên quan vay có lãi	382.000.000	970.000.000
		Lãi vay phải thu phát sinh	748.061.593	706.185.424
Ông Lê Xuân Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty, Cổ đông và Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải, đồng thời là cổ đông và thành viên Hội đồng Thành viên ("HĐTV") của Công ty TNHH Hai Dung	Lãi vay phải trả phát sinh Trả gốc nợ vay cho bên liên quan	- 450.000.000	1.116.650.015 150.000.000
Bà Vũ Hồng Dung	Bên liên quan khác	Lãi vay phải trả phát sinh	-	1.927.048.226
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỹ nghệ Ninh Vân Bay (NVBHC)	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Lãi vay phải trả phát sinh	261.715.053	263.883.963
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt	Công ty liên kết đến ngày 23 tháng 6 năm 2017	Lãi vay phải thu phát sinh Bên liên quan trả gốc nợ vay	29.330.295 -	40.488.767 121.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thương mại P&N	Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	7.250.000.000 7.250.000.000	3.000.000.000 3.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư TLC	Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	1.000.000.000 1.000.000.000	480.000.000 480.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch THC	Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	2.500.000.000 2.500.000.000	1.200.000.000 1.200.000.000
Ông Tạ Phạm Phi Cát	Cổ đông, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông Lãi vay phát sinh Trả nợ lãi vay	1.250.000.000 1.250.000.000 - -	600.000.000 600.000.000 676.145.163 684.949.998
Sustainable Luxury Mauritius Ltd	Công ty Quản lý Khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay	Phí quản lý phát sinh Thanh toán phí quản lý	8.028.662.477 7.169.619.779	5.045.033.112 2.728.424.752
Ông Phạm Đức Trung	Cổ đông, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	250.000.000 250.000.000	- -
Ông Hoàng Anh Dũng	Tổng Giám đốc của Công ty, Thành viên HĐQT của Công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Hai Dung	Vay từ bên liên quan	180.000.000	-
Công ty cổ phần Hồng Hải	Công ty nhận đầu tư	Góp thêm vốn trong kỳ Chi hộ bên liên quan Chi phí thuê mặt bằng	3.370.250.000 483.595.630 857.111.927	- - 964.662.216

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn cho vay và vay từ các bên liên quan theo lãi suất thỏa thuận trong kỳ và không có tài sản đảm bảo.

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm và không có lãi suất. Như trình bày tại thuyết minh số 7 và số 8, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là 248.428.117.737 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, chi tiết số dư lớn với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho bên liên quan vay	209.663.920.548	210.163.920.548
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp	Công ty liên kết	Cho bên liên quan vay	19.053.000.000	18.671.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Công ty liên kết đến ngày 23 tháng 6 năm 2017	Cho bên liên quan vay	-	1.015.000.000
Công ty Cổ phần Hồng Hải	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho bên liên quan vay	230.000.000	230.000.000
			<u>228.946.920.548</u>	<u>230.079.920.548</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty Cổ phần du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Lãi vay phải thu	96.295.462.469	96.295.462.469
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	8.623.012.619	7.874.951.026
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Chi phí trả hộ	2.468.734.720	2.468.734.720
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Công ty liên kết đến ngày 23 tháng 6 năm 2017	Lãi vay phải thu	-	602.005.046
Công ty Cổ phần Hồng Hải	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Lãi vay phải thu	170.278.357	154.310.685
		Chi phí trả hộ	483.595.630	-
			<u>108.041.083.795</u>	<u>107.395.463.946</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)				
Sustainable Luxury Mauritius Ltd	Công ty Quản lý Khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay	Phí quản lý	3.543.039.462	2.738.686.984
			3.543.039.462	2.738.686.984
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 18)				
Ông Lê Xuân Hải	Chủ tịch HĐQT của Công ty, Cổ đông và Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải, đồng thời là cổ đông và thành viên HĐQT của Công ty TNHH Hai Dung	Lãi vay phải trả	16.137.867.873	16.137.867.873
Bà Vũ Hồng Dung	Bên liên quan khác	Lãi vay phải trả	6.075.568.577	6.075.568.577
Công ty TNHH MTV Cầu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Lãi vay phải trả	2.442.275.888	2.180.560.835
Công ty cổ phần Hồng Hải	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Trích trước chi phí thuế	1.821.774.143	964.662.216
			26.477.486.481	25.358.659.501
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)				
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng	Công ty cùng chung thành viên Hội đồng Quản trị	Phải trả tạm ứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng	3.000.000.000	3.000.000.000
			3.000.000.000	3.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Thuyết minh số 20)				
Ông Lê Xuân Hải	Chủ tịch HĐQT của Công ty, Cổ đông và Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải, đồng thời là cổ đông và thành viên HĐQT của Công ty TNHH Hai Dung	Cho Tập đoàn vay	18.145.844.722	18.595.844.722
Bà Vũ Hồng Dung	Bên liên quan khác	Cho Tập đoàn vay	32.117.470.426	32.117.470.426
Ông Hoàng Anh Dũng	Tổng giám đốc của Công ty, Thành viên HĐQT của Công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Hai Dung	Cho Tập đoàn vay	180.000.000	-
Công ty TNHH Cầu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (NVBHC)	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho Tập đoàn vay	3.518.452.839	3.518.452.839
			53.961.767.987	54.231.767.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Lương và thưởng của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc	2.067.699.940	2.150.043.880
TỔNG CỘNG	2.067.699.940	2.150.043.880

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(295.215.783.799)	1.692.138.035
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	(295.215.783.799)	1.692.138.035
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	90.500.000	90.500.000
<i>Ảnh hưởng suy giảm do Quyền mua cổ phiếu của Chứng quyền kèm theo Trái phiếu không chuyển đổi phát hành trong năm 2014 (xem Thuyết minh số 20.1.1)</i>	<i>9.545.000</i>	<i>9.545.000</i>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	100.045.000	100.045.000
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.262)	19
(Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.951)	17

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào khác xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	383.149.964	776.142.733
Từ 1 đến 5 năm	327.901.455	467.600.380
TỔNG CỘNG	711.051.419	1.243.743.113

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai của Công ty TNHH Hai Dung và Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải, hai công ty con của Công ty, được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	20.072.116	29.452.996
Trên 1 – 5 năm	80.288.464	117.811.984
Trên 5 năm	5.418.101.097	5.627.380.264
TỔNG CỘNG	5.518.461.677	5.774.645.244

Các cam kết liên quan đến chi phí hoạt động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty TNHH Hai Dung, công ty con của Công ty, đã ký kết một số hợp đồng xây dựng liên quan đến Dự án Điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Sài Gòn River với tổng trị giá cam kết còn chưa thực hiện vào khoảng 48,4 tỷ VND.

Các cam kết liên quan đến các dự án đầu tư bất động sản

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 47121000196 ngày 26 tháng 3 năm 2009 cấp bởi Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty TNHH Hai Dung, công ty con của Công ty đã được lựa chọn làm chủ đầu tư Dự án Điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Sài Gòn River với diện tích khoảng 55,32 hecta với tổng số vốn đầu tư cam kết vào khoảng 440,5 tỷ VND.

Nghĩa vụ tiềm tàng liên quan đến việc không tuân thủ các cam kết của hợp đồng phát hành Trái phiếu

Như được trình bày tại Thuyết minh số 5.1 và số 28, Công ty đã không duy trì số dư tài khoản tiền gửi dự phòng theo cam kết trong hợp đồng phát hành Trái phiếu cũng như bị phạt do chưa thanh toán lãi Trái phiếu của kỳ tính lãi thứ 5 với tổng số tiền là 1,4 tỷ VND. Theo hợp đồng phát hành Trái phiếu kèm Chứng quyền số 01-2100/HDDM-TP/NVB ngày 11 tháng 11 năm 2014, trong trường hợp Công ty vi phạm bất kỳ cam kết nào theo quy định của hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam có quyền xử lý tài sản đảm bảo như được trình bày tại Thuyết minh số 20.1.1. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đang trong quá trình làm việc với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam để giải quyết vấn đề nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Ngô Thị Thanh Hải
Người lập



Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 8 năm 2017

